

Thứ năm, ngày 31 tháng 10 năm 2019

Vietnam Daily Review

Rung lắc quanh mốc tham chiếu

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 1/11/2019			•
Tuần 28/10-1/11/2019			•
Tháng 11/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Đón nhận thông tin Fed cắt giảm thêm 0.25% lãi suất, VN-Index duy trì được đà tăng tích cực trong phiên sáng khi các mã bluechips như VHM, VIC, VCB, MSN, BVH đồng thuận tăng điểm. Tuy nhiên, như đã đề cập trong báo cáo ngày hôm qua, sự rung lắc mạnh đã xuất hiện khi chỉ số chịu áp lực điều chỉnh từ VNM, HPG, CTG. Thị trường có phiên giảm điểm trái ngược với các TTCK chủ chốt trong khu vực và phân hóa mạnh khi số mã giảm điểm gấp đôi số mã tăng điểm. Theo quan điểm của BSC, nhà đầu tư có thể mở vị thế tại các mã có KQKD quý III tích cực ở những nhịp điều chỉnh tiếp theo.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 916 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 31/10/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm. NVL tăng nhẹ sau khi tạo hỗ trợ tại mức giá 59. Tuy vậy, các chỉ báo động lượng tiếp tục cho thấy tín hiệu giảm kéo dài. Điều chỉnh giảm của NVL trong trung hạn có thể tạo áp lực giảm giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tiếp theo.

Danh mục i-Invest: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán_0.1%. Danh mục **Bảo hiểm & Chứng khoán** - kỳ vọng nhóm ngành dịch vụ tài chính được hưởng lợi từ nền kinh tế tăng trưởng mạnh mẽ - có mức tăng **0.1%** trong ngày giao dịch hôm nay.

Phân tích kỹ thuật: ACV_Tăng giá (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PNJ, KDH, ANV, TCB, BID**

Cập nhật iBroker: STK, HT1, PHR, DRC, STB

Điểm nhấn

- VN-Index **-2.07 điểm**, đóng cửa 998.82. HNX-Index **-0.70 điểm**, đóng cửa 105.19.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+0.41); BVH (+0.27); VHM (+0.20); GAS (+0.17); HDB (+0.16).**
- Kéo chỉ số giảm: **VNM (-1.02); VIC (-0.59); VPB (-0.21); CTG (-0.16); HPG (-0.16).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,404 tỷ đồng**, **+9.2%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 5.82 điểm. Thị trường có 110 mã tăng, 60 mã tham chiếu và 221 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **107.45 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VNM (162.73 tỷ), MSN (40.06 tỷ) và POW (17.84 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **5.19 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

998.82

Giá trị: 3404 tỷ

-2.07 (-0.21%)

Khối ngoại (ròng): -107.45 tỷ

HNX-INDEX

105.19

Giá trị: 247.21 tỷ

-0.7 (-0.66%)

Khối ngoại (ròng): -5.19 tỷ

UPCOM-INDEX

56.23

Giá trị: 258.5 tỷ

-0.03 (-0.05%)

Khối ngoại(ròng): -12.51 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	54.9	-0.38%
Giá vàng	1,506	0.69%
Tỷ giá USD/VND	23,202	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	26,195	1.55%
Tỷ giá JPY/VND	21,427	0.51%
LS liên NH 1 tháng	2.5%	3.86%
LS TPCP 5 năm	2.5%	-1.62%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	36.9	VNM	163.2
VJC	15.0	MSN	40.1
STB	14.6	POW	17.8
GAS	13.5	HDB	7.0
BID	12.1	LIX	5.4

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* Danh mục **Bảo hiểm & Chứng khoán** - kỳ vọng nhóm ngành dịch vụ tài chính được hưởng lợi từ nền kinh tế tăng trưởng mạnh mẽ - tăng **0.1%** trong ngày giao dịch hôm nay, so với mức giảm 0.2% của toàn thị trường.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **12/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tháng **khả quan**

- **7/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tháng **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán_0.1%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.1%	-0.1%	-3.5%	-4.1%	-6.1%	-6.7%	42.6%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.0%	0.2%	0.9%	8.3%	10.0%	8.2%	40.2%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.3%	-0.4%	0.5%	6.9%	12.8%	22.5%	91.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.3%	0.2%	-0.6%	7.0%	11.1%	13.1%	73.2%
Dầu khí	-0.3%	1.3%	-0.1%	-5.3%	-3.6%	3.9%	13.5%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.3%	-1.0%	0.8%	2.9%	-1.4%	3.7%	-3.5%
Vật liệu Xây dựng	-0.4%	-0.2%	4.2%	6.4%	5.4%	15.5%	11.3%
Nước & Năng lượng	-0.4%	0.9%	-1.7%	1.3%	0.8%	16.3%	53.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.5%	0.3%	0.5%	-0.8%	1.1%	13.4%	79.7%
Ngân hàng	-0.5%	0.4%	1.1%	11.4%	15.5%	19.0%	84.2%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.5%	-0.8%	-0.8%	10.2%	17.3%	19.7%	81.0%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.5%	0.0%	-1.3%	-4.3%	-0.4%	20.7%	50.7%
Hàng tiêu dùng	-0.8%	-2.5%	-0.8%	2.5%	8.1%	16.8%	59.2%
BDS & Khu công nghiệp	-0.9%	-0.7%	-1.5%	-0.6%	5.8%	11.9%	59.9%
Lãi suất giảm	-0.9%	-1.3%	-1.7%	-0.9%	2.6%	6.7%	50.3%
Xây dựng	-1.0%	-0.3%	-5.5%	-0.8%	-4.3%	-7.0%	25.6%
Chiến tranh thương mại	-1.1%	-1.8%	-2.5%	-5.4%	-2.5%	1.6%	7.1%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 4	-0.3%	-1.2%	0.7%	9.1%	17.8%	21.3%	43.6%
Danh mục 15	-0.3%	-0.8%	-0.4%	3.9%	12.7%	13.4%	66.0%
Danh mục 2	-0.4%	0.3%	0.5%	4.6%	9.5%	20.8%	111.8%
Danh mục 6	-1.1%	-1.1%	-2.3%	8.0%	13.7%	23.9%	121.0%
Danh mục 8	-1.1%	-0.6%	0.2%	3.6%	11.3%	20.0%	56.2%

* Note
12/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất tháng **khả quan**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 24	-0.4%	-0.1%	0.4%	3.0%	20.9%	39.7%	102.1%
Danh mục 25	-0.5%	-1.3%	0.1%	4.1%	19.3%	50.3%	179.2%
Danh mục 22	-0.6%	-1.0%	0.6%	7.5%	16.6%	33.1%	72.8%
Danh mục 20	-1.1%	-1.0%	0.3%	7.0%	13.9%	23.5%	53.2%
Danh mục 19	-1.2%	-1.0%	1.1%	8.3%	16.2%	29.4%	59.4%

* Note
7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tháng **khả quan**

INDEX							
VNINDEX	-0.2%	0.5%	0.8%	0.8%	4.3%	10.9%	45.5%
VN30INDEX	-0.3%	-0.3%	0.3%	4.2%	5.2%	4.7%	40.4%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

10/31/2019

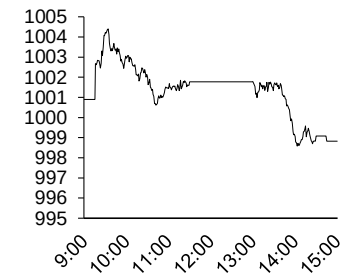
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

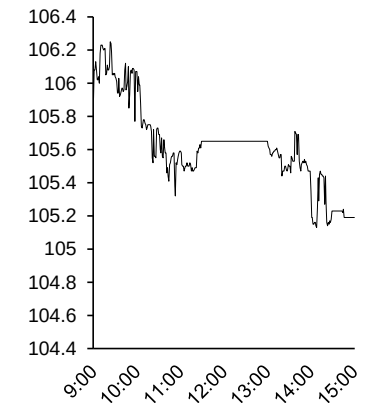
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	2.2%
Dầu khí	1.7%
Bất động sản	1.3%
Dịch vụ tài chính	0.8%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.8%
Ngân hàng	0.7%
Du lịch và Giải trí	0.3%
Y tế	0.3%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.2%
Xây dựng và Vật liệu	0.1%
Bảo hiểm	0.0%
Viễn thông	0.0%
Công nghệ Thông tin	-0.1%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.2%
Truyền thông	-0.3%
Thực phẩm và đồ uống	-0.5%
Hóa chất	-0.5%
Tài nguyên Cơ bản	-0.6%
Bán lẻ	-1.4%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

ACV_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: ACV đang hình thành xu hướng hồi phục sau khi xác lập ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn tại ngưỡng giá 75. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng giao dịch trung bình 20 phiên trong hai phiên gần nhất, cho thấy động lực tăng giá đang hình thành. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đang được nâng đỡ bởi dải mây Ichimoku, cho thấy cổ phiếu vẫn được ủng hộ bởi xu hướng tăng giá trung hạn. Như vậy, ACV có thể quay trở lại kiểm tra ngưỡng vùng kháng cự 85 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

BSC dự báo tổng doanh thu của ACV trong năm 2019 đạt 17,873 tỷ đồng (+10.8% YoY), trong đó doanh thu dịch vụ hàng không đạt 14,336 tỷ (+11.8% YoY); doanh thu dịch vụ phi hàng không đạt 2,168 tỷ (+14.8% YoY) trong khi doanh thu bán hàng giả định đi ngang so với cùng kỳ. Dự báo của BSC dựa trên giả định sản lượng hàng khách và hàng hóa qua các CHK thuộc ACV quản lý lần lượt đạt 98.41 triệu lượt (+6.3% YoY) và 1,656 nghìn tấn (+9.6% YoY). LN sau thuế dự báo đạt 6,809 tỷ đồng (+9.8% YoY), tương đương với EPS = 2,815 đồng/CP, P/E fw = 28.7 lần.

Cập nhật KQKD

Sản lượng hành khách qua các CHK 6T2019 đạt 57 triệu lượt (+9.5% YoY), trong đó quốc tế là 20 triệu (+13% YoY), quốc nội đạt 37 triệu (+7.5% YoY). Nếu loại trừ sản lượng hành khách quốc tế qua cảng Đà Nẵng và Cam Ranh, sản lượng HK quốc tế qua cảng của ACV đạt 13.8 triệu lượt (+8.3% YoY).

Kết quả kinh doanh 1H2019: Doanh thu 1H2019 đạt 9,820 tỷ (+23.3% YoY), trong đó doanh thu dịch vụ hàng không khoảng 8,100 tỷ (+27.3% YoY) nhờ sản lượng HK +9.5% và tác động của nhịp tăng cuối của giá dịch vụ theo thông tư 2345. LNTT ước đạt 4,500 tỷ (+18.1% YoY), tương ứng hoàn thành 55% kế hoạch năm.

Chi tiết tham khảo BSC - iBroker: Express ACV 2019Q3

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

ANV_Hồi phục

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 31/10/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 31/10	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	55.05	-1.06%	-1.67%	2.64%	-15.73%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	60.56	-1.69%	-1.00%	2.83%	-19.76%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.66	-1.58%	0.24%	5.22%	-6.35%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1496.11	0.54%	0.26%	1.16%	23.19%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.86	0.35%	1.73%	3.62%	25.58%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	917.76	-0.25%	-1.71%	-0.19%	9.39%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	509.62	-0.29%	-2.14%	2.18%	1.82%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.15	7.93%	8.04%	10.23%	36.24%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	153.30	1.59%	3.30%	-0.97%	5.65%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.41	0.57%	2.14%	-3.65%	-5.91%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.17	0.00%	-2.16%	0.63%	-3.35%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	99.30	0.35%	1.59%	-2.02%	-11.89%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.68	-0.32%	0.61%	4.96%	0.57%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3484.00	-0.49%	0.17%	-4.63%	-22.18%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1754.00	0.98%	2.04%	1.89%	-10.21%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	85.00	-1.73%	0.59%	-8.60%	12.58%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	70.00	0.11%	2.84%	0.55%	-33.21%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, dầu thô Brent giảm 98 US cent tương đương 1.6% xuống 60.61 USD/thùng, trong khi dầu thô Tây Texas WTI giảm 48 US cent tương đương 0.9% xuống 55.06 USD/thùng. Giá dầu giảm sau khi dự trữ dầu thô của Mỹ tăng và mối lo ngại về khả năng trì hoãn việc giải quyết cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, ảnh hưởng đến nhu cầu dầu toàn cầu.
- Dự trữ dầu thô của Mỹ trong tuần trước tăng, trong bối cảnh nhập khẩu tăng cao, trong khi dự trữ xăng và sản phẩm chưng cất giảm ngay cả khi các nhà máy lọc dầu tăng cường sản xuất, Cơ quan Thông tin Năng lượng cho biết.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.5% lên 1,494.16 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 12/2019 trên sàn New York tăng 0.4% lên 1,496.7 USD/ounce.
- Giá vàng tăng do kỳ vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ sẽ cắt giảm lãi suất, song giá vàng dao động trong phạm vi hẹp khi các nhà đầu tư chờ đợi sự rõ ràng về chính sách tiền tệ trong tương lai của ngân hàng trung ương. Các nhà đầu tư dự kiến Fed sẽ giảm lãi suất thêm 1/4 điểm phần trăm – lần thứ 3 – trong năm nay.

Giá quặng sắt

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Đại Liên không thay đổi so với phiên trước đó, ở mức 622.5 CNY (88.18 USD)/tấn. Giá thép cây kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 1% lên 3,373 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng tăng 0.6% lên 3,365 CNY/tấn.

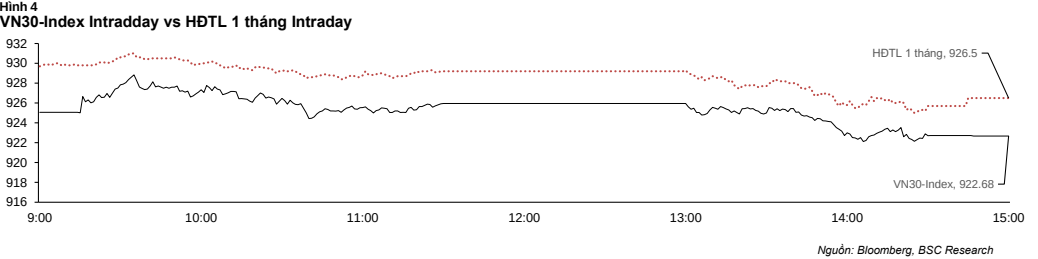
Giá nông sản

- Cà phê robusta kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn London tăng 15 USD tương đương 1.2% lên 1,291 USD/tấn. Cà phê arabica trên sàn New York kỳ hạn tháng 12/2019 tăng 0.4 US cent tương đương 0.4% lên 99.35 US cent/lb.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 0.07 US cent tương đương 0.6% lên 12.41 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 12/2019 tăng 2.1 USD tương đương 0.6% lên 340.4 USD/tấn. Giá đường tăng do dự kiến nguồn cung trong niên vụ này sẽ thiếu hụt.

***Giá cao su**

- Hợp đồng kỳ hạn tháng 4 trên sàn TOCOM tăng 2.8 JPY (0.0257 USD) lên 173 JPY/kg. Hợp đồng kỳ hạn tháng 1/2020 tại Thượng Hải tăng 210 CNY (29.76 USD) lên 11,955 CNY/tấn. Giá cao su tại Tokyo tăng theo xu hướng giá cao su kỳ hạn tại Thượng Hải tăng.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1911	926.50	-0.20%	3.82	-8.3%	60370	11/21/2019	21
VN30F1912	925.60	-0.30%	2.92	-51.1%	93	12/19/2019	49
VN30F2003	925.70	-0.25%	3.02	4.2%	25	3/19/2020	140
VN30F2006	928.90	-0.13%	6.22	-54.3%	32	6/18/2020	231

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm -2.39 điểm xuống mức 922.68 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, VPB, HPG, VIC, và TCB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm điểm của VN30. VN30 biến động trong phiên hôm nay, điều chỉnh giảm sau khi tăng mạnh vào đầu phiên sáng tiếp cận 929 điểm. Sang phiên chiều, VN30 tiếp tục giảm xuống dưới mốc tham chiếu. Thanh khoản tăng, VN30 có thể điều chỉnh giảm xuống 916 điểm trước khi kiểm tra lại 930 điểm.
- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F1911 và VN30F2003 đang tăng, trong khi, VN30F1912 và VN30F2006 đang giảm. Điều này báo hiệu việc điều chỉnh giảm trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 916 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVRE1902	HSC	4/8/2020	160	4:1	95,890	-68.0%	5.0 triệu	25.60%	1,300	1,450	7.41%	737.00	1.97
CVHM1902	SSI	4/22/2020	174	1:1	21,190	50.3%	1.0 triệu	26.74%	18,600	17,750	5.91%	9,711.30	1.83
CMBB1906	VND	1/9/2020	70	2:1	61,090	N/a	3.0 triệu	16.93%	2,100	2,250	4.17%	1,597.30	1.41
CFPT1903	SSI	12/30/2019	60	1:1	24,460	-74.7%	2.0 triệu	19.99%	6,000	14,070	1.22%	13,116.90	1.07
CVIC1902	SSI	4/22/2020	174	1:1	11,820	16.1%	1.0 triệu	17.87%	22,700	21,650	0.89%	9,571.90	2.26
CMBB1905	HSC	4/8/2020	160	2:1	19,210	-87.5%	5.0 triệu	16.93%	1,700	1,700	0.00%	635.90	2.67
CFPT1905	SSI	4/22/2020	174	1:1	15,650	-39.4%	1.0 triệu	19.99%	9,900	10,070	-0.30%	5,568.20	1.81
CFPT1906	HSC	4/8/2020	160	5:1	43,570	-81.6%	5.0 triệu	19.99%	1,700	1,800	-0.55%	830.10	2.17
CMWG1903	HSC	12/30/2019	60	5:1	163,680	-8.4%	2.0 triệu	20.41%	2,700	6,350	-0.78%	6,058.10	1.05
CVJC1902	SSI	4/22/2020	174	1:1	14,990	-2.5%	1.0 triệu	15.54%	27,900	31,250	-1.82%	18,679.90	1.67
CREE1902	SSI	1/22/2020	83	1:1	16,910	-65.9%	1.0 triệu	23.61%	5,600	5,000	-1.96%	2,753.80	1.82
CMBB1902	HSC	12/17/2019	47	1:1	255,550	58.6%	1.0 triệu	16.93%	3,200	3,820	-2.05%	1,449.70	2.64
CHPG1907	SSI	4/22/2020	174	1:1	27,880	-60.3%	1.0 triệu	26.45%	4,200	3,900	-3.70%	2,257.10	1.73
CMWG1906	MBS	12/16/2019	46	5:1	76,840	-40.8%	3.0 triệu	20.41%	2,850	2,500	-4.94%	1,235.70	2.02
CTCB1901	MBS	1/17/2020	78	2:1	110,970	N/a	2.0 triệu	20.04%	1,680	1,550	-6.06%	551.80	2.81
CVNM1904	HSC	4/8/2020	160	10:1	54,820	-42.0%	5.0 triệu	19.06%	1,900	1,750	-7.41%	641.80	2.73
CMWG1902	VND	12/11/2019	41	4:1	94,000	29.1%	2.4 triệu	20.41%	2,990	8,770	-7.68%	8,769.70	1.00
CVNM1903	SSI	4/22/2020	174	1:1	51,210	-9.4%	1.0 triệu	19.06%	26,600	25,940	-11.44%	14,706.50	1.76
CVNM1901	KIS	12/13/2020	409	10:1	1,110,420	11.7%	5.0 triệu	19.06%	1,200	370	-21.28%	0.40	925.00
CHPG1905	SSI	12/30/2019	60	1:1	271,420	232.1%	1.0 triệu	26.45%	3,300	1,250	-21.88%	498.40	2.51
CHPG1902	KIS	12/11/2019	41	5:1	236,860	-40.8%	6.0 triệu	26.45%	1,000	50	-28.57%	-	
CVIC1901	KIS	11/14/2019	14	5:1	91,420	-50.6%	2.0 triệu	17.87%	1,960	200	-42.86%	-	
Tổng:					4,260,270		113.2 triệu	21.08%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 31/10/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.
- Về giá, CVIC1901 và CHPG1902 giảm mạnh nhất lần lượt là -42.86% và -28.57%. Thanh khoản thị trường giảm -21.56%. CVNM1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 26.06% thị trường.

Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, MWG, VJC và REE, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CVJC1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CMWG1904 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. NVL tăng nhẹ sau khi tạo hỗ trợ tại mức giá 59. Tuy vậy, các chỉ báo động lượng tiếp tục cho thấy tín hiệu giảm kéo dài. Điều chỉnh giảm của NVL trong trung hạn có thể tạo áp lực giảm giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tiếp theo.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HDB	29.45	1.90	0.53
STB	10.80	0.93	0.24
MSN	74.20	0.27	0.13
BVH	72.10	1.84	0.13
NVL	59.50	0.34	0.10

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	130.0	-1.52	-1.41
VPB	21.5	-1.38	-0.72
HPG	21.8	-0.91	-0.46
VIC	119.0	-0.50	-0.35
TCB	23.7	-0.42	-0.32

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVRE1902	37,700	32,500	33,200
CVHM1902	103,600	85,000	89,000
CMBB1906	24,200	20,000	23,000
CFPT1903	56,154	45,140	57,900
CVIC1902	137,700	115,000	119,000
CMBB1905	26,400	23,000	23,000
CFPT1905	64,900	55,000	57,900
CFPT1906	65,500	57,000	57,900
CMWG1903	25,800	95,000	124,600
CVJC1902	157,900	130,000	145,000
CREE1902	41,600	36,000	37,500
CMBB1902	26,300	21,800	23,000
CHPG1907	25,200	21,000	21,800
CMWG1906	135,150	120,900	124,600
CTCB1901	26,860	23,500	23,700
CVNM1904	152,000	133,000	130,000
CMWG1902	48,130	90,000	124,600
CVNM1903	146,600	120,000	130,000
CVNM1901	46,340	156,285	130,000
CHPG1905	93,300	23,100	21,800
CHPG1902	166,285	41,999	21,800
CVIC1901	150,688	140,888	119,000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	124.6	-0.2%	0.7	2,398	3.0	8,321	15.0	4.9	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	83.3	0.4%	1.0	806	1.6	4,839	17.2	4.5	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	72.1	1.8%	1.3	2,197	1.0	1,505	47.9	3.3	25.3%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	32.2	0.0%	0.7	324	0.1	2,801	11.5	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	119.0	-0.5%	1.1	17,312	4.4	1,586	75.0	4.8	15.1%	8.3%
VRE	Bất động sản	33.2	-0.2%	1.1	3,362	5.1	1,033	32.1	2.7	31.4%	8.8%
NVL	Bất động sản	59.5	0.3%	0.8	2,407	2.1	3,187	18.7	2.7	7.4%	17.8%
REE	Bất động sản	37.5	-0.5%	1.0	506	1.1	5,614	6.7	1.2	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	15.5	-2.8%	1.4	354	0.8	3,215	4.8	0.9	68.6%	25.9%
SSI	Chứng khoán	21.4	0.0%	1.4	472	1.7	1,737	12.3	1.2	56.9%	10.9%
VCI	Chứng khoán	35.0	0.0%	1.0	250	0.1	5,067	6.9	1.6	38.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	22.8	-1.5%	1.5	303	0.4	1,287	17.7	1.6	56.2%	10.2%
FPT	Công nghệ	57.9	0.2%	0.8	1,707	3.2	4,349	13.3	2.9	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	45.0	0.0%	0.4	487	0.0	3,778	11.9	3.0	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	103.5	0.3%	1.5	8,613	1.8	5,886	17.6	4.3	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	59.3	0.0%	1.5	3,070	0.4	3,350	17.7	3.5	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	18.5	-1.6%	1.7	384	0.8	2,072	8.9	0.7	22.3%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.7	1.0%	0.8	1,308	1.2	1,163	8.3	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	92.6	0.0%	0.5	526	0.0	4,535	20.4	3.8	54.3%	19.4%
DPM	Hóa chất	13.7	-2.5%	0.7	232	0.3	650	21.0	0.7	19.1%	3.7%
DCM	Hóa chất	7.4	-0.4%	0.6	169	0.1	625	11.8	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	87.7	-0.1%	1.3	14,142	1.2	5,274	16.6	4.0	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	40.6	1.0%	1.5	6,035	1.4	2,109	19.2	2.5	3.4%	13.5%
CTG	Ngân hàng	22.0	-0.7%	1.6	3,562	2.3	1,641	13.4	1.1	30.0%	8.5%
VPB	Ngân hàng	21.5	-1.4%	1.2	2,250	1.3	3,341	6.4	1.3	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	23.0	-0.2%	1.1	2,326	1.8	3,261	7.1	1.4	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	24.1	-0.8%	1.1	1,699	1.4	3,585	6.7	1.5	44.3%	25.9%
BMP	Nhựa	53.1	-0.6%	0.9	189	0.2	5,073	10.5	1.7	79.3%	16.5%
NTP	Nhựa	33.0	-0.6%	0.3	141	0.0	4,184	7.9	1.3	20.8%	17.8%
MSR	Tài nguyên	16.6	0.6%	1.2	649	0.2	732	22.7	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	21.8	-0.9%	1.0	2,617	5.5	2,526	8.6	1.3	37.5%	17.4%
HSG	Thép	7.2	0.1%	1.6	132	2.0	890	8.0	0.6	17.0%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	130.0	-1.5%	0.8	9,843	14.4	5,465	23.8	8.0	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	260.5	-0.2%	0.8	7,263	0.3	7,365	35.4	9.3	63.4%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	74.2	0.3%	1.2	3,771	2.9	4,512	16.4	2.8	40.2%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	18.8	-0.8%	0.5	478	0.9	440	42.7	1.7	6.0%	3.9%
ACV	Vận tải	80.0	1.5%	0.8	7,572	0.5	2,630	30.4	5.7	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	145.0	0.1%	1.1	3,302	4.1	9,850	14.7	5.6	19.9%	43.3%
HVN	Vận tải	35.0	-0.4%	1.7	2,158	0.6	1,747	20.0	2.7	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	26.7	-0.7%	0.8	345	0.3	1,949	13.7	1.3	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	17.1	-0.6%	0.6	209	0.2	2,571	6.7	1.2	30.6%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	85.9	0.6%	0.9	598	0.8	8,338	10.3	4.3	2.1%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.0	-0.3%	0.8	369	0.1	1,398	13.6	1.4	13.5%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	17.0	0.3%	0.8	281	0.1	1,912	8.9	1.2	6.1%	13.8%
CTD	Xây dựng	79.0	-0.4%	0.7	262	0.1	9,842	8.0	0.7	48.7%	9.3%
VCG	Xây dựng	27.0	1.5%	1.1	519	0.6	1,557	17.3	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	23.9	0.8%	0.5	258	0.2	1,845	13.0	1.2	51.8%	1.9%
POW	Điện	13.1	0.8%	0.6	1,329	1.6	820	15.9	1.2	14.2%	7.8%
NT2	Điện	23.0	0.0%	0.6	288	0.1	2,721	8.5	1.6	19.6%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	40.60	1.00	0.40	777680.00
BVH	72.10	1.84	0.27	318850.00
VHM	89.00	0.23	0.20	1.01MLN
GAS	103.50	0.29	0.17	410730.00
HDB	29.45	1.90	0.16	4.01MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	130.00	-1.52	-1.03	2.55MLN
VIC	119.00	-0.50	-0.59	840720.00
VPB	21.50	-1.38	-0.22	1.36MLN
CTG	22.00	-0.68	-0.16	2.39MLN
HPG	21.80	-0.91	-0.16	5.77MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PTC	7.34	7.00	0.00	4800.00
DXV	3.53	6.97	0.00	4800.00
AGF	3.07	6.97	0.00	8920.00
HVG	5.10	6.92	0.02	1.03MLN
DTA	5.89	6.90	0.00	590.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HU3	8.47	-9.51	0.00	3850.00
VID	3.86	-6.99	0.00	1850.00
DQC	16.75	-6.94	-0.01	168120.00
FIT	4.18	-6.90	-0.02	967920.00
AMD	1.62	-6.90	-0.01	4.48MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCG	27.00	1.50	0.03	492100.00
DHT	50.10	3.30	0.03	44600.00
VCS	85.90	0.59	0.02	210100.00
NET	32.00	6.67	0.02	1700.00
SHS	8.20	1.23	0.01	602900.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

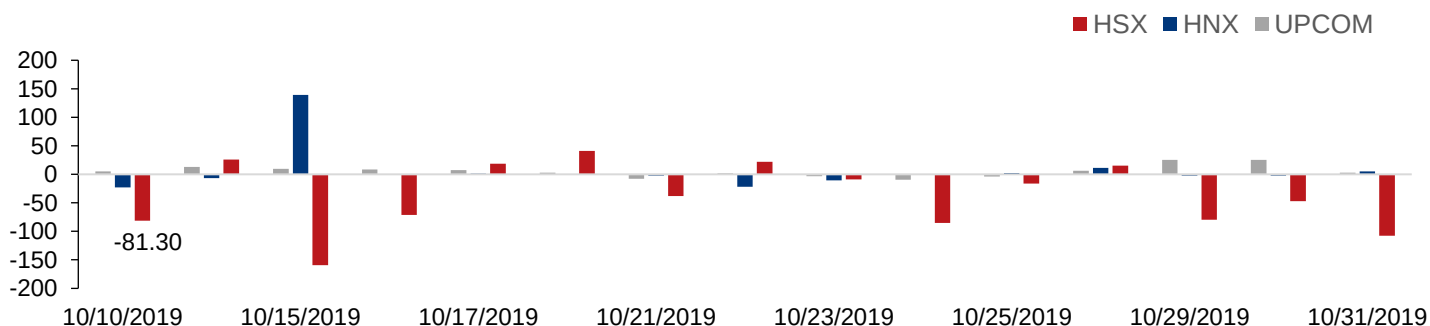
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	24.10	-0.82	-0.33	1.29MLN
PVS	18.50	-1.60	-0.08	928000.00
MBG	40.20	-7.59	-0.07	418900.00
SHN	9.00	-3.23	-0.04	10000.00
SJE	22.90	-9.84	-0.04	600.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SD5	5.50	10.0	0.01	12600.00
TMX	13.20	10.0	0.00	100.00
CKV	17.70	9.3	0.00	600.00
PVG	5.90	9.3	0.01	77600.00
CVN	13.00	9.2	0.01	50600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.40	-20.00	-0.01	120400.00
NHP	0.40	-20.00	0.00	73700.00
HKB	0.60	-14.29	-0.01	53200.00
BII	0.90	-10.00	0.00	188900.00
DST	0.90	-10.00	0.00	124700.00



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
3	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi	Phân tích vĩ mô		Click
9	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
10	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
11	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
16	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	19.2	2,246	8.5	0.9	Click
2	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	39.4	3,678	10.7	0.7	Click
3	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	74.2	4,512	16.4	2.8	Click
4	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	130.0	5,465	23.8	8.0	Click
5	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.5	2,887	7.8	1.6	Click
6	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	37.5	5,614	6.7	1.2	Click
7	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	80.8	14,958	5.4	1.6	Click
8	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.2	2,170	3.8	0.6	Click
9	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	24.1	3,585	6.7	1.5	Click
10	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.4	1,079	12.4	1.1	Click
11	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	87.7	5,274	16.6	4.0	Click
12	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	22.9	1,723	13.3	1.7	Click
13	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	23.0	3,261	7.1	1.4	Click
14	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	53.9	2,801	19.2	3.2	Click
15	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	26.7	1,949	13.7	1.3	Click
16	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	26.7	3,391	7.9	1.8	Click
17	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	57.9	4,349	13.3	2.9	Click
18	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	14.0	649	21.6	1.2	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	124.6	8,321	15.0	4.9	Click
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	8/9/2019	84.8	97.2	83.3	4,839	17.2	4.5	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express STK 2019Q4	28/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 21873; Giá tại Publish 19350 Lũy kế 9 tháng, STK đạt doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt 1,653.4 tỷ đồng (-7.2% YoY) và 161.1 tỷ đồng (+22.8% YoY) qua đó hoàn thành lần lượt 63.5% KHDT và 80.7% KHLNST. Riêng Quý 3, doanh thu thuần chỉ đạt 554.2 tỷ (-5.9% YoY) do thị trường các mặt hàng truyền thống sợi nguyên sinh tiêu thụ chậm lại làm sản lượng sợi virgin giảm -12.2% trong 9T19 và giá bán sợi nguyên sinh giảm khiến doanh thu bán sợi virgin giảm 24.1%, nguyên nhân do tác động bán phá giá từ Trung Quốc sang Việt Nam. Nếu Mỹ tiếp tục áp thuế 15% lên 160 tỷ USD hàng Trung Quốc vào 15/12 này thì khả năng giá sợi sẽ tiếp tục khó khăn.
Express SBT 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 18700 Kết thúc niên độ 2018-2019 (18-19) , SBT đạt KQKD tiếp tục suy giảm do tình hình khó khăn chung của ngành đường. DTT và LNST đạt lần lượt là 10,857 tỷ đồng (+5.5% YoY) và 259.3 tỷ đồng (-52% YoY), tương đương EPS đạt 437 VND/CP, qua đó SBT chỉ hoàn thành được 94% kế hoạch doanh thu và 62% kế hoạch LNTT. Tổng sản lượng tiêu thụ đường tăng trưởng tốt đạt 749,000 tấn (+31% YoY) tuy nhiên sản lượng mía ép chỉ đạt 2,761 ngàn tấn (-26% YoY) khiến cho sản lượng đường sản xuất giảm còn 542 ngàn tấn (-10% YoY), nguyên nhân chủ yếu là do tình hình biến đổi khí hậu chịu ảnh hưởng bởi El Nino với nắng hạn kéo dài.
Express HT1 2019Q4	22/10/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 18200; Giá tại Publish 16000 Doanh thu thuần 9T2019 đạt 6,553 tỷ (+8.1% YoY), hoàn thành 73.4% kế hoạch năm nhờ: (1) Sản lượng 9T đạt 5.4 triệu tấn (+9.7% YoY); (2) Giá bán bình quân giảm do năm 2019 tỷ trọng tiêu thụ xi măng rời của HT1 tăng từ 27% (2018) lên khoảng 33% trong 2019. Tuy nhiên, HT1 cho biết trong Q3 công ty đã tiến hành rà soát lại giá bán, điều chỉnh tăng với những vùng có giá bán thấp bất hợp lý. Biến LNG trong 9T2019 tăng từ 16.4% cùng kỳ lên 17.1%, chúng tôi cho rằng biến LNG được cải thiện 1 phần nhờ hỗ trợ bởi giá than (khoảng 30% giá vốn) giảm khoảng 50,000 đồng/tấn (tương đương giảm 1.5-2%). Giá than công ty nhập trong T10 vẫn đang trong xu hướng giảm sẽ hỗ trợ biến LN trong Q4/2019.
Express PHR 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 59300 KQKD 9 tháng: DT đạt 685 tỷ đồng (+3% yoy) và LNST đạt 429 tỷ đồng (+23.4% yoy) đến chủ yếu từ doanh thu mủ cao su đạt đến từ sản lượng 20,281.6 tấn (+4.6% yoy) với giá bán bình quân lũy kế 33.5 triệu đồng/tấn (-1.7% yoy), giá bán bình quân tháng 9 đạt 32.3 triệu đồng, cho thấy mức giá cao su vẫn chưa phục hồi. So với kế hoạch đặt ra đạt 68% lợi nhuận sau thuế. Lũy kế thu mua 9 tháng, sản lượng thu mua giảm đạt 8,709 tấn (-12.5% yoy) giúp cải thiện biên lợi nhuận từ mức 6.6% lên 8.1% do mảng thu mua gần như không có lãi.
Express DRC 2019Q4	15/10/2019	KKhuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 28381; Giá tại Publish 24450 Doanh thu quý 3 đạt 1,013 tỷ đồng (+8.3% yoy), LNST đạt 82 tỷ (gấp 2.65 lần cùng kỳ), biến LNG cải mức 11.8% lên 13%. Doanh nghiệp duy trì chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp ở mức ổn định chiếm khoảng 4.4% doanh thu. Tỷ lệ giảm trừ doanh thu chiết khấu giảm từ 5.1% xuống còn 4.2%. Kết quả 9T2019 tương ứng hoàn thành 77% và 135% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2019.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn